

BẢNG ĐIỂM (LẦN 1)

LỚP: CĐN ÔTÔ 23B

MÔN: QUẢN TRỊ SẢN XUẤT

GV: PHẠM LÊ HẠNH NGUYỄN

HỌC KỲ: 3

SỐ TIẾT: 30

LOẠI: LT

SỐ TC: 2

STT	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	CHUYÊN CẦN	ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI L1	TỔNG KẾT L1	GHI CHÚ
1	0465221172	Trần Tấn	Phát	01/08/2002	0.0	2.3	0.0	0.9	
2	0465221194	Lê Quang	Thịnh	30/01/2000	7.0	7.8	8.5	8.1	
3	0465231072	Ngô Quang Tuấn	Anh	05/05/2005	10.0	7.7	6.0	7.1	
4	0465231073	Nguyễn Hà	Anh	11/02/2005	4.0	5.8	0.0	2.7	
5	0465231074	Nguyễn Tuấn	Anh	28/05/2005	10.0	7.9	5.8	7.1	
6	0465231075	Võ Nguyễn Duy	Anh	15/10/2005	10.0	5.0	7.3	6.7	
7	0465231076	Dương Gia	Bảo	25/07/2005	10.0	7.8	5.5	6.9	
8	0465231077	Trần Dương Văn	Cảnh	07/11/2005	7.0	9.4	9.5	9.2	
9	0465231078	Nguyễn Hoàng Minh	Chí	15/08/2005	10.0	9.8	8.3	9.1	
10	0465231079	Hồ Việt	Chương	08/08/2004	10.0	10.0	9.8	9.9	
11	0465231081	Nguyễn Thành	Danh	29/09/2005	0.0	3.1	0.0	1.2	
12	0465231082	Nguyễn Trần Minh	Duy	01/01/2005	7.0	5.1	7.8	6.6	
13	0465231083	Mạch Văn	Đạt	05/02/2005	10.0	9.1	8.3	8.8	
14	0465231084	Hồ Hải	Đăng	06/03/2005	10.0	7.8	7.0	7.6	
15	0465231085	Nguyễn Đăng	Giang	10/07/2005	10.0	6.5	6.8	7.0	
16	0465231088	Lê Huỳnh Ngọc	Hân	08/05/2005	10.0	8.9	9.8	9.5	
17	0465231089	Lê Bùi Thanh	Hoàng	11/03/2005	7.0	7.5	8.5	8.0	
18	0465231090	Đinh Hải	Hồ	02/11/2005	10.0	7.3	7.0	7.4	
19	0465231093	Trương Quốc	Huy	11/06/2005	10.0	8.3	8.8	8.7	
20	0465231095	Nguyễn Duy	Khánh	04/10/2005	10.0	9.3	6.3	7.9	
21	0465231096	Phạm Gia	Khiêm	06/06/2005	10.0	6.6	8.3	7.8	
22	0465231097	Đặng Hà Đăng	Khoa	16/05/2005	10.0	9.0	9.8	9.5	
23	0465231098	Ngô Tấn	Khoa	12/09/2005	4.0	5.9	7.5	6.5	
24	0465231099	Nguyễn Bách	Khoa	11/08/2005	10.0	6.2	6.8	6.9	
25	0465231100	Nguyễn Tuấn	Kiệt	04/07/2005	10.0	10.0	8.0	9.0	
26	0465231101	Vũ Tuấn	Kiệt	18/09/2005	0.0	0.0	0.0	0.0	
27	0465231102	Hoàng Phi	Lân	23/03/2005	10.0	8.5	5.8	7.3	
28	0465231104	Lê Văn	Mãi	16/04/2004	10.0	4.3	5.3	5.4	
29	0465231106	Lê Thanh	Nam	30/06/2005	4.0	6.8	4.5	5.4	
30	0465231109	Bùi Minh	Nguyên	19/09/2005	10.0	9.9	9.5	9.7	
31	0465231110	Nguyễn Đặng Đăng	Nguyên	26/09/2005	10.0	6.6	5.5	6.4	
32	0465231111	Phan Đình Kế	Nguyên	03/02/2005	10.0	6.5	6.0	6.6	
33	0465231113	Nguyễn Hữu	Phúc	25/08/2005	10.0	9.4	7.0	8.3	

STT	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	CHUYÊN CẦN	ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI L1	TỔNG KẾT L1	GHI CHÚ
34	0465231116	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	29/01/2005	10.0	9.5	8.8	9.2	
35	0465231117	Trần Ngọc	Quý	19/02/2005	10.0	10.0	9.5	9.8	
36	0465231118	Nguyễn Quốc	Sơn	25/01/2005	7.0	6.2	6.8	6.6	
37	0465231120	Nguyễn Duy	Thanh	04/03/2004	0.0	2.5	0.0	1.0	
38	0465231121	Phạm Minh	Thi	25/03/2005	10.0	5.1	5.0	5.5	
39	0465231122	Bùi Hoàng	Thịnh	03/10/2005	10.0	9.9	8.0	9.0	
40	0465231123	Nguyễn Ngô Thái	Thịnh	06/12/2005	7.0	7.3	5.3	6.3	
41	0465231124	Võ Gia	Tiến	31/03/2005	7.0	7.1	3.3	5.2	
42	0465231127	Nguyễn Trương Minh	Triết	08/02/2005	4.0	5.2	3.5	4.2	
43	0465231128	Lâm Kiện	Trí	11/06/2005	7.0	8.6	9.8	9.0	
44	0465231129	Huỳnh Minh	Trung	13/11/2005	7.0	6.5	6.8	6.7	
45	0465231130	Lê Quốc	Tuấn	27/10/2004	7.0	6.5	5.5	6.1	
46	0465231132	Nguyễn Thanh	Tú	03/01/2005	0.0	0.0	0.0	0.0	
47	0465231133	Trần Trường	Tỷ	12/10/2005	10.0	7.9	9.8	9.1	
48	0465231134	Nguyễn Cao	Văn	27/09/2005	10.0	9.6	9.8	9.7	
49	0465231135	Nguyễn Đình	Việt	28/05/2005	10.0	7.6	6.0	7.0	
50	0465231137	Nguyễn	Vinh	13/11/2005	10.0	6.7	9.3	8.3	
51	0465231139	Nguyễn Thanh	Vũ	26/08/2005	10.0	8.5	8.0	8.4	

Thông kê	Tổng	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Số lượng (Tỉ lệ)	51(100%)	13(25.5%)	7(13.7%)	9(17.6%)	11(21.6%)	4(7.8%)	1(2%)	6(11.8%)

BỘ MÔN KINH TẾ

Ngày 26 tháng 12 năm 2024

GIÁO VIÊN BỘ MÔN

PHẠM LÊ HẠNH NGUYỄN